

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2016)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Trưởng ban (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Ông Trần Huy Dũng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-378



  
Lam Phi Ngoc Hao

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

---

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>219.927.843.281</b>	<b>135.846.105.916</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>59.633.992.414</b>	<b>46.270.712.230</b>
Tiền	111		4.633.992.414	7.270.712.230
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	39.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7(a)</b>	<b>39.752.240.593</b>	<b>47.805.076.136</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		55.598.086.912	63.588.156.490
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15.845.846.319)	(15.783.080.354)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.839.359.050</b>	<b>20.223.309.364</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.293.473.970	3.164.580.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.429.441.506	1.758.913.006
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	40.116.443.574	15.299.815.865
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>77.468.908.522</b>	<b>20.774.995.892</b>
Hàng tồn kho	141		99.444.483.183	20.774.995.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.975.574.661)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>233.342.702</b>	<b>772.012.294</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		233.342.702	427.059.160
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	344.953.134

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>914.662.797.104</b>	<b>1.156.471.166.539</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>189.244.305.575</b>	<b>195.852.497.359</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		72.000.000.000	77.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	119.074.812.815	118.852.497.359
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.830.507.240)	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.097.975.075</b>	<b>52.855.113.734</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.756.213.171	3.059.124.031
<i>Nguyên giá</i>	222		13.500.067.407	11.501.897.061
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.743.854.236)	(8.442.773.030)
Tài sản cố định vô hình	227	12	49.341.761.904	49.795.989.703
<i>Nguyên giá</i>	228		54.721.011.809	54.371.011.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.379.249.905)	(4.575.022.106)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>170.916.009.617</b>	<b>172.665.657.525</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		218.141.983.365	225.388.783.099
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(47.225.973.748)	(52.723.125.574)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>77.531.507.069</b>	<b>344.021.953.708</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	77.531.507.069	344.021.953.708
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7(b)</b>	<b>420.969.009.769</b>	<b>388.492.332.645</b>
Đầu tư vào công ty con	251		328.022.971.814	260.884.906.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		97.958.709.000	57.358.709.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	82.850.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.012.671.045)	(12.601.283.169)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.903.989.999</b>	<b>2.583.611.568</b>
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.903.989.999	2.583.611.568
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.134.590.640.385</b>	<b>1.292.317.272.455</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>463.521.721.326</b>	<b>629.546.778.991</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>293.338.606.240</b>	<b>364.050.078.788</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.711.069.757	6.798.914.377
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.547.215.183	10.549.668.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12.435.385.001	12.703.917.195
Phải trả người lao động	314		18.248.557.067	25.728.914.439
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.346.547.839	9.473.933.109
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18(a)	1.243.818.186	1.393.350.004
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	185.973.949.211	274.300.048.742
Vay ngắn hạn	320	20(a)	44.614.321.142	18.123.418.970
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	10.217.742.854	4.977.913.102
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>170.183.115.086</b>	<b>265.496.700.203</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18(b)	50.833.333.300	52.053.333.304
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	113.226.399.896	118.097.470.509
Vay dài hạn	338	20(b)	6.123.381.890	95.345.896.390

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>671.068.919.059</b>	<b>662.770.493.464</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>671.068.919.059</b>	<b>662.770.493.464</b>
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	22	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.800.501.308	71.502.075.713
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.134.590.640.385</b>	<b>1.292.317.272.455</b>

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Ngô Văn Danh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>248.150.585.519</b>	<b>283.707.766.113</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>(322.700.000)</b>	<b>(861.272.047)</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>247.827.885.519</b>	<b>282.846.494.066</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>(283.459.238.678)</b>	<b>(215.013.653.650)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>(35.631.353.159)</b>	<b>67.832.840.416</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	137.137.991.312	36.739.031.854
Chi phí tài chính	22	30	(2.183.102.042)	(10.797.466.902)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(5.035.345.267)</i>	<i>(14.569.056.931)</i>
Chi phí bán hàng	25		(1.611.560.737)	(783.063.447)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(34.603.210.084)	(32.407.885.388)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>63.108.765.290</b>	<b>60.583.456.533</b>
Thu nhập khác	31	32	1.261.651.527	7.313.550.426
Chi phí khác	32	33	(2.605.817.506)	(16.771.711.295)
<b>Lỗ khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.344.165.979)</b>	<b>(9.458.160.869)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.764.599.311	51.125.295.664
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	(10.095.554.219)	(10.176.710.311)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(679.621.569)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		50.989.423.523	40.948.585.353

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>61.764.599.311</b>	<b>51.125.295.664</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		7.363.371.972	7.876.540.047
Các khoản dự phòng	03		18.747.469.777	(10.658.967.151)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		(106.131.884.900)	8.650.300.263
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(416.183.787)	-
Lỗ do xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	245.616.673
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(20.228.433.201)	(26.736.132.379)
Chi phí lãi vay	06		5.035.345.267	14.569.056.931
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(33.865.715.561)</b>	<b>45.071.710.048</b>
Biến động các khoản phải thu	09		11.755.354.450	91.626.846.383
Biến động hàng tồn kho	10		221.147.580.546	190.717.371.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		14.492.823.599	(45.569.926.962)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		8.052.835.543	(5.131.774.775)
			<b>221.582.878.577</b>	<b>276.714.225.892</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.385.829.344)	(27.088.824.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.510.178.944)	(12.023.671.308)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.480.559.776)	(5.469.712.934)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>205.206.310.513</b>	<b>232.132.017.354</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.738.487.135)	(29.842.656.698)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	22		33.812.900.000	6.040.500.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		610.123.183	1.474.011.286
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(114.668.065.000)	(46.627.938.449)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty liên kết	26		-	734.199.983
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		20.418.433.201	27.176.384.367
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(99.565.095.751)</b>	<b>(41.045.499.511)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		38.926.159.782	203.340.105.439
Tiền trả nợ gốc vay	34		(101.657.772.110)	(342.186.157.171)
Tiền trả cổ tức	36		(29.546.322.250)	(30.485.248.830)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(92.277.934.578)</b>	<b>(169.331.300.562)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>13.363.280.184</b>	<b>21.755.217.281</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>46.270.712.230</b>	<b>24.515.494.949</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>59.633.992.414</b>	<b>46.270.712.230</b>

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 86 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 85 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 13 công ty con và 6 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12 công ty con và 4 công ty liên kết) như sau:

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Các công ty con**

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao (*)	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%	55%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực	51%	51%



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Số</b>	<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày</b>	
				<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
		tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Thanh Thuận , Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam		
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyên.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Huyện Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,07%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thỏ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố	84,17%	84,17%

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2015	1/1/2015
			Cần Thơ, Việt Nam		
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn (*)	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	-
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh (*)	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	-
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	93%	-
14	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong (**)	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	55-55B Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	-	51%
15	Công ty TNHH Đông Đô Thành (**)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	03 Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	55%

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Các công ty liên kết**

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2015	1/1/2015
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	37,33%	37,33%
2	Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
3	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,16%	35,16%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, Nguyễn Huệ, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27,5%	27,5%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	40%	-

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2015	1/1/2015
6	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (*)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	-

(\*) Trong năm, Công ty đã góp thêm lần lượt 4,62%, 80%, 90% và 93% vốn vào các công ty con – Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao, Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh và Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu và góp lần lượt 40% và 51% vốn vào các công ty liên kết – Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam và Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Đông Đô Thành (Thuyết minh 7(h)) và giải thể một công ty con – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong (Thuyết minh 7(i)).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)) trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 38 của báo cáo tài chính riêng này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm các dự án khu dân cư.

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ dự phòng này được chuyển sang quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(p) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(iii) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(t) Các bên liên quan**

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Báo cáo bộ phận**

Cho năm kết thúc:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bộ phận	13.023.441.870	9.294.033.548	234.804.443.649	273.552.460.518	-	-	247.827.885.519	282.846.494.066
Thu nhập khác của bộ phận	17.420.020.463	23.723.956.467	113.227.162.100	16.428.985.396	6.811.587.049	3.597.275.690	137.458.769.612	43.750.217.553
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(4.589.708.355)	(2.700.060.016)	(278.869.530.323)	(212.313.593.634)	-	-	(283.459.238.678)	(215.013.653.650)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(9.735.197.194)	(12.355.551.528)	(29.212.602.408)	(46.782.911.867)	(1.861.951.371)	(1.610.794.410)	(40.809.750.973)	(60.749.257.805)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	16.118.556.784	17.962.378.471	39.949.473.018	30.884.940.413	4.949.635.678	1.986.481.280	61.017.665.480	50.833.800.164
Doanh thu không phân bổ							940.873.227	302.364.727
Chi phí không phân bổ							(193.939.396)	(10.869.227)
Thuế thu nhập							(10.775.175.788)	(10.176.710.311)
							50.989.423.523	40.948.585.353

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	1.568.716.460	10.491.561.296	177.632.940.869	77.541.576.124	40.726.185.952	47.812.968.496	219.927.843.281	135.846.105.916
Tài sản dài hạn	282.853.969.769	224.329.657.884	629.904.837.336	929.557.897.087	-	-	912.758.807.105	1.153.887.554.971
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.903.989.999	2.583.611.568
	284.422.686.229	234.821.219.180	807.537.778.205	1.007.099.473.211	40.726.185.952	47.812.968.496	1.134.590.640.385	1.292.317.272.455
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	28.742.129.125	13.458.441.370	264.596.477.115	336.827.745.732	-	13.763.891.686	293.338.606.240	364.050.078.788
Nợ dài hạn	-	88.771.154.941	170.183.115.086	172.419.410.876	-	4.306.134.386	170.183.115.086	265.496.700.203
	28.742.129.125	102.229.596.311	434.779.592.201	509.247.156.608	-	18.070.026.072	463.521.721.326	629.546.778.991
Cho năm kết thúc ngày :								
	<b>Dịch vụ thương mại</b>	<b>Dịch vụ thương mại</b>	<b>Dịch vụ bất động sản</b>	<b>Dịch vụ bất động sản</b>	<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khấu hao và phân bổ	1.530.836.852	1.502.496.748	5.832.535.120	6.374.043.299	-	-	7.363.371.972	7.876.540.047
Các khoản dự phòng	-	-	21.841.741.563	-	(3.094.271.786)	(10.658.967.151)	18.747.469.777	(10.658.967.151)
Chi tiêu vốn	2.773.698.193	8.838.169.492	36.964.788.942	21.004.487.206	-	-	39.738.487.135	29.842.656.698

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.634.748.150	1.398.360.494
Tiền gửi ngân hàng	2.999.244.264	5.872.351.736
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	39.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	59.633.992.414	46.270.712.230
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	31/12/2015		Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	1/1/2015	
			Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND			Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	39.159	694.914.918	1.640.762.100	-	182.129	3.289.960.000	6.920.902.000	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	10.086.780.000	-	650.760	8.042.676.000	10.347.084.000	-
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	518.983	3.946.111.619	2.127.830.300	(1.805.846.319)	289.530	2.683.020.490	2.576.817.000	(106.203.490)
• Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	8.300	114.384.375	117.030.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	5.000.000.000	(**)	(9.000.000.000)	14.000.000.000	5.000.000.000	(**)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	90.000	9.000.000.000	-	(*)	-	9.000.000.000	-	(*)
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	1.260.000.000	(**)	(5.040.000.000)	180.000	1.260.000.000	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	-	(*)	-	1.350.000	13.500.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	-	-	-	-	691.126	6.772.500.000	5.135.623.136	(**)
		55.598.086.912		(15.845.846.319)		63.588.156.490		(15.783.080.354)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này. Các công ty nhận đầu tư này đang có lợi nhuận, vì thế Ban Tổng Giám đốc tin rằng không có sự suy giảm về giá trị đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư này.
- (\*\*) Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư dựa trên tình hình tài chính của từng khoản đầu tư này.

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	15.783.080.354	19.280.834.639
Tăng dự phòng trong năm	1.727.092.829	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(27.450.000)	-
Hoàn nhập	(1.636.876.864)	(3.497.754.285)
Số dư cuối năm	<u>15.845.846.319</u>	<u>15.783.080.354</u>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	% vốn hữu	sở % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	33.312.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao (a)	59,62%	59,62%	9.012.515.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	21.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần OtoS (b)	77,07%	77,07%	5.317.600.000	(*)	(3.752.634.216)
• Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(1.347.961.387)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn (c)	80,00%	80,00%	15.300.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh (d)	90,00%	90,00%	18.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (e)	93,00%	93,00%	36.000.000.000	(*)	-
			328.022.971.814		(5.100.595.603)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	560.000.000	(*)	(427.373.896)
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	16.798.709.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	8.250.000.000	(*)	(484.701.546)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (f)	40,00%	40,00%	10.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (g)	51,00%	51,00%	30.600.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			97.958.709.000		(912.075.442)
			<hr/>		<hr/>
<b>Các khoản đầu tư khác</b>					
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			1.000.000.000	(*)	-
			<hr/>		<hr/>
			426.981.680.814		(6.012.671.045)
			<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2015	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Phân loại lại	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND Phân loại lại
<b>Đầu tư vốn vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	33.312.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Đông Đô Thành (h)	55%	55%	4.400.000.000	(*)	(1.372.859.971)
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	55%	55%	8.250.050.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	(3.108.322.924)
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong (i)	51%	51%	1.530.000.000	(*)	(1.530.000.000)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	21.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần OtoS	77,07%	77,07%	2.312.000.000	(*)	(916.111.090)
• Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(352.790.686)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	(452.450.698)
			260.884.906.814		(7.732.535.369)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND Phân loại lại</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND Phân loại lại</b>
<b>Các công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	560.000.000	(*)	(427.373.896)
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	(1.068.825.942)
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	16.798.709.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	8.250.000.000	(*)	-
			57.358.709.000		(1.496.199.838)
<b>Đầu tư khác</b>					
• Công ty TNHH Savico – Vinaland (j)			82.850.000.000	(*)	(3.372.547.962)
			401.093.615.814		(12.601.283.169)

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(a) Vào ngày 25 tháng 8 năm 2015, Công ty đã góp thêm 762 triệu VND vào vốn góp của Công ty Cổ phần Ngôi Sao.

(b) Vào ngày 16 tháng 4 năm 2015, Công ty đã góp thêm 3.005 triệu VND vào vốn góp của Công ty Cổ phần OtoS.

(c) Vào ngày 1 tháng 6 năm 2015, theo Biên Bản số 38/QD/HDQT-SVC, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn với vốn điều lệ được duyệt là 20 tỷ VND. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (d) Vào ngày 8 tháng 6 năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 39/QĐ/HDQT-SVC, Ban Tổng Giám đốc quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam với vốn điều lệ được duyệt là 25 tỷ VND, trong đó 40% vốn điều lệ được duyệt được góp bởi Công ty. Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty đã góp đủ vốn.
- (e) Vào ngày 24 tháng 4 năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 33/QĐ/HDQT-SVC, Ban Tổng Giám đốc quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu với vốn điều lệ được duyệt là 50 tỷ VND, trong đó 93% vốn điều lệ được duyệt được góp bởi Công ty. Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa góp đủ vốn.
- (f) Vào ngày 12 tháng 8 năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 58/QĐ/HDQT-SVC, Ban Tổng Giám đốc quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam với vốn điều lệ được duyệt là 25 tỷ VND, trong đó 40% vốn điều lệ được duyệt được góp bởi Công ty. Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty đã góp đủ vốn.
- (g) Vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 42/QĐ/HDQT-SVC, Ban Tổng Giám đốc quyết định góp 31 tỷ VND vào Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tương đương 51% vốn góp. Tại ngày báo cáo tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn. Tập đoàn hạch toán khoản đầu tư này như là đầu tư vào công ty liên kết vì Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể để chi phối tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt.
- (h) Vào ngày 26 tháng 3 năm 2015, Công ty đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Đông Đô Thành. Công ty đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn với Ông Lê Chiến Thắng (Tổng Giám đốc của công ty con này), theo đó Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Đông Đô Thành cho Ông Lê Chiến Thắng kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2015. Lãi phát sinh từ việc thanh lý này là 990 triệu VND.
- (i) Vào ngày 16 tháng 3 năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 11/QĐ/HDQT-SVC, Ban Tổng Giám đốc quyết định giải thể Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong, một công ty con. Quá trình giải thể đã hoàn tất.
- (j) Vào ngày 10 tháng 6 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết định thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Savico-Vinaland, một khoản đầu tư khác cho Vinaland Investment Limited. Công ty ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn với Vinaland Investment Limited theo đó Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ phần vốn góp của Công ty cho Vinaland Investment Limited. Lãi từ thanh lý khoản đầu tư này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi từ việc thanh lý là 105.142 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	<b>Tổng cộng tài sản 31/12/2015 VND</b>	<b>Tổng cộng nợ phải trả 31/12/2015 VND</b>	<b>Tổng cộng vốn chủ sở hữu 31/12/2015 VND</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế 31/12/2015 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	92.648.243.863	9.065.421.704	83.582.822.159	6.976.246.639
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	437.030.507.290	283.891.066.975	153.139.440.315	22.914.663.107
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.340.423.544	61.849.399.927	28.491.023.617	(1.560.481.586)
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	150.548.138.286	125.465.752.575	25.082.385.711	1.032.385.711
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	192.364.454.444	117.417.504.020	74.946.950.424	14.946.307.600
	<b>Tổng cộng tài sản 1/1/2015 VND</b>	<b>Tổng cộng nợ phải trả 1/1/2015 VND</b>	<b>Tổng cộng vốn chủ sở hữu 1/1/2015 VND</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế 1/1/2015 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	(2.513.599.335)
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	85.898.446.146	9.253.491.173	76.644.954.973	(2.970.051.056)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	363.349.307.806	227.742.194.090	135.607.113.716	26.269.432.736
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	39.365.661.078	14.632.971.369	24.732.689.709	(187.310.291)



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	12.601.283.169	23.260.250.320
Tăng dự phòng trong năm	5.607.407.701	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.530.000.000)	-
Hoàn nhập	(10.666.019.825)	(10.658.967.151)
	6.012.671.045	12.601.283.169
Số dư cuối năm	6.012.671.045	12.601.283.169

## **8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Bất động sản Hoàng Gia	-	480.000.000
Khách hàng cá nhân của Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng liên quan đến doanh thu bán bất động sản	-	1.025.000.000
Khách hàng thuê kho bãi	839.933.883	642.312.459
Các khách hàng khác	453.540.087	1.017.268.034
	1.293.473.970	3.164.580.493
	1.293.473.970	3.164.580.493

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý đầu tư khác	29.245.050.000	-
Cổ tức phải thu	-	190.000.000
Các khoản chi hộ	1.101.603.283	1.101.603.283
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào một công ty con	-	1.680.000.000
Tạm ứng cho người lao động	1.549.567.508	1.708.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.220.222.783	10.619.712.582
	<b>40.116.443.574</b>	<b>15.299.815.865</b>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	113.406.731.568	113.386.376.112
Đặt cọc dài hạn	1.322.460.000	1.120.500.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.345.621.247	4.345.621.247
	<b>119.074.812.815</b>	<b>118.852.497.359</b>

**10. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	16.172.582	-	11.906.895	-
Sản phẩm dở dang	99.380.374.417	(21.975.574.661)	20.701.466.291	-
Hàng hóa	47.936.184	-	61.622.706	-
	<b>99.444.483.183</b>	<b>(21.975.574.661)</b>	<b>20.774.995.892</b>	<b>-</b>

Dự phòng hàng tồn kho thể hiện khoản dự phòng được lập trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 75.655 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 16.752 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	5.301.829.558	2.637.468.847	3.562.598.656	11.501.897.061
Tăng trong năm	-	271.342.769	2.152.355.424	2.423.698.193
Thanh lý	-	-	(425.527.847)	(425.527.847)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.301.829.558</b>	<b>2.908.811.616</b>	<b>5.289.426.233</b>	<b>13.500.067.407</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.711.246.881	2.353.295.377	2.378.230.772	8.442.773.030
Khấu hao trong năm	201.782.088	171.280.701	353.546.264	726.609.053
Thanh lý	-	-	(425.527.847)	(425.527.847)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.913.028.969</b>	<b>2.524.576.078</b>	<b>2.306.249.189</b>	<b>8.743.854.236</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	1.590.582.677	284.173.470	1.184.367.884	3.059.124.031
Số dư cuối năm	1.388.800.589	384.235.538	2.983.177.044	4.756.213.171

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.481 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 3.605 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.170 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.327 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	39.301.087.509	435.870.000	54.371.011.809
Tăng trong năm	-	-	350.000.000	350.000.000
Số dư cuối năm	14.634.054.300	39.301.087.509	785.870.000	54.721.011.809
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	4.139.152.106	435.870.000	4.575.022.106
Khấu hao trong năm	-	785.875.440	18.352.359	804.227.799
Số dư cuối năm	-	4.925.027.546	454.222.359	5.379.249.905
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	35.161.935.403	-	49.795.989.703
Số dư cuối năm	14.634.054.300	34.376.059.963	331.647.641	49.341.761.904

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 436 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 27.259 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 27.899 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	133.201.140.041	92.187.643.058	225.388.783.099
Tăng trong năm	-	15.705.960.000	15.705.960.000
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(22.589.123.370)	(22.589.123.370)
Phân loại lại	(7.187.537.591)	7.187.537.591	-
Thanh lý	-	(363.636.364)	(363.636.364)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>126.013.602.450</b>	<b>92.128.380.915</b>	<b>218.141.983.365</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	18.501.166.485	34.221.959.089	52.723.125.574
Khấu hao trong năm	1.323.899.208	4.508.635.912	5.832.535.120
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(11.159.989.978)	(11.159.989.978)
Phân loại lại	(10.505.763.927)	10.505.763.927	-
Thanh lý	-	(169.696.968)	(169.696.968)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.319.301.766</b>	<b>37.906.671.982</b>	<b>47.225.973.748</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	114.699.973.556	57.965.683.969	172.665.657.525
Số dư cuối năm	116.694.300.684	54.221.708.933	170.916.009.617

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các tòa nhà và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 19.702 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12.746 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 104.638 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 100.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	344.021.953.708	616.786.347.775
Tăng trong năm	21.897.487.806	29.934.565.447
Chuyển sang hàng tồn kho	(288.387.934.445)	(211.448.553.708)
Chuyển sang đầu tư vốn dài hạn vào các công ty con	-	(89.530.777.847)
Thanh lý	-	(1.474.011.286)
Xóa sổ	-	(245.616.673)
	77.531.507.069	344.021.953.708
	77.531.507.069	344.021.953.708

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án Quốc lộ 13	-	205.001.515.814
Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng	-	74.563.358.488
Dự án 104 Phố Quang	37.958.276.918	34.878.168.629
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	28.197.102.382	18.228.025.937
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11.134.809.686	11.110.328.757
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	241.318.083	240.556.083
	77.531.507.069	344.021.953.708
	77.531.507.069	344.021.953.708

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không có xây dựng cơ bản dở dang nào (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 42.864 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 639 triệu VND (2014: 6.170 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Các khoản phải trả người bán**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ	1.355.770.408	1.355.770.408	1.595.754.997	1.595.754.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	-	3.089.296.392	3.089.296.392
Các nhà cung cấp khác	1.355.299.349	1.355.299.349	2.113.862.988	2.113.862.988
	<b>2.711.069.757</b>	<b>2.711.069.757</b>	<b>6.798.914.377</b>	<b>6.798.914.377</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
<b>Thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	579.584.291	17.853.518.498	(16.782.332.003)	1.650.770.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.286.322.822	10.095.554.219	(2.510.178.944)	8.871.698.097
Thuế thu nhập cá nhân	2.726.866.757	2.064.054.221	(3.934.836.160)	856.084.818
<b>Các khoản phải nộp khác</b>				
Thuê đất	-	4.746.706.398	(4.746.706.398)	-
Các khoản phải nộp khác	8.111.143.325	47.427.850	(7.101.739.875)	1.056.831.300
	<b>12.703.917.195</b>	<b>34.807.261.186</b>	<b>(35.075.793.380)</b>	<b>12.435.385.001</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.654.500.000	8.654.500.000
Phí thuê	2.685.927.840	-
Lãi vay	-	25.251.881
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.119.999	794.181.228
	11.346.547.839	9.473.933.109
	11.346.547.839	9.473.933.109

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

**(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	23.818.182	173.350.000
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.220.000.004	1.220.000.004
	1.243.818.186	1.393.350.004
	1.243.818.186	1.393.350.004

**(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Doanh thu cho thuê đất nhận trước	52.053.333.304	53.273.333.308
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(1.220.000.004)	(1.220.000.004)
	50.833.333.300	52.053.333.304
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	50.833.333.300	52.053.333.304



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả khác**

**(a) Phải trả khác – ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	582.554.795	158.268.645
Vay từ một bên liên quan (a)	1.350.562.476	9.566.755.744
Phải trả một bên liên quan (b)	23.840.523.466	25.000.000.000
Phải trả Vinaland Investments Limited (d)	-	130.323.934.900
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (e)	85.950.625.357	40.235.200.000
Phải trả một khách hàng	5.856.400.000	5.856.400.000
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	63.874.447.722	59.101.838.270
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.518.835.395	4.057.651.183
	185.973.949.211	274.300.048.742

- a. Trong khoản vay từ một bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 686 triệu VND chịu lãi suất 6% (2014: lãi suất 5,15%) một năm và 664 triệu VND là tiền lãi phải trả của khoản vay này. Khoản vay này phải trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
- b. Phải trả một bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản trả trước từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô), một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 về Dự án 104 Phố Quang.
- c. Phải trả một bên của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ngày 10 tháng 7 năm 2014 về một dự án khác tại 104 Phố Quang.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả khác – dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận đặt cọc dài hạn	32.314.501.363	13.241.925.850
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	80.911.898.533	104.855.544.659
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	113.226.399.896	118.097.470.509

(\*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án Bình An	24.239.513.834	22.042.917.434
Dự án Quốc lộ 13	-	25.098.400.000
Dự án Cao ốc Văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	56.672.384.699	47.714.227.225
Dự án 104 Phố Quang	-	10.000.000.000
	80.911.898.533	104.855.544.659

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.213.682.970	10.213.682.970	38.926.159.782	44.095.257.610	5.044.585.142	5.044.585.142
Vay dài hạn đến hạn trả	7.909.736.000	7.909.736.000	39.569.736.000	7.909.736.000	39.569.736.000	39.569.736.000
	18.123.418.970	18.123.418.970	78.495.895.782	52.004.993.610	44.614.321.142	44.614.321.142

Các khoản vay ngắn hạn được thế chấp bằng bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 46.377 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 33.419 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	7,5%	-	1.380.480.248
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	6,5%	5.044.585.142	8.833.202.722
			5.044.585.142	10.213.682.970
			5.044.585.142	10.213.682.970

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Vay dài hạn	45.693.117.890	103.255.632.390
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(39.569.736.000)	(7.909.736.000)
		6.123.381.890
		6.123.381.890
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		95.345.896.390
		95.345.896.390

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	9,6%	2016	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	9,6%	2017	10.326.000.000	15.550.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	9,0%	2017	5.367.117.890	8.052.853.890
Ngân hàng TNHH Indovina	VND	8,0%	2017	-	49.652.778.500
				45.693.117.890	103.255.632.390
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(39.569.736.000)	(7.909.736.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				6.123.381.890	95.345.896.390

Các tài sản dưới đây được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty:

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Hàng tồn kho	75.654.574.661	16.751.846.290
Tài sản cố định hữu hình	1.170.183.718	1.326.734.734
Tài sản cố định vô hình	27.259.175.600	27.899.312.792
Bất động sản đầu tư	58.261.525.363	67.270.160.609
Xây dựng cơ bản dở dang	-	42.863.999.648
	162.345.459.342	156.112.054.073

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.977.913.102	3.254.665.193
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	10.572.960.261	5.165.984.666
Sử dụng trong năm	(5.333.130.509)	(3.442.736.757)
Số dư cuối năm	<u>10.217.742.854</u>	<u>4.977.913.102</u>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	67.717.059.603	658.985.477.354
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	40.948.585.353	40.948.585.353
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.165.984.666)	(5.165.984.666)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.026.976.177)	(2.026.976.177)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	71.502.075.713	662.770.493.464
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	50.989.423.523	50.989.423.523
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.572.960.261)	(10.572.960.261)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.147.429.267)	(2.147.429.267)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	79.800.501.308	671.068.919.059

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **24. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2015 đã quyết định chia cổ tức của năm 2014 là 29.971 triệu VND (2014: 29.971 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

## **25. Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

## **26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

### **Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	6.106.638.360	6.068.138.360
Từ hai đến năm năm	22.221.553.440	26.001.553.440
Trên năm năm	1.593.844.070	3.540.482.430
	<hr/>	<hr/>
	29.922.035.870	35.610.174.230
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Chuyển nhượng bất động sản	190.887.409.282	225.725.504.359
▪ Bán hàng hóa	3.767.181.372	3.820.570.968
▪ Cung cấp dịch vụ	9.578.960.498	6.334.734.627
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	43.917.034.367	47.826.956.159
	248.150.585.519	283.707.766.113
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(322.700.000)	(861.272.047)
Doanh thu thuần	247.827.885.519	282.846.494.066

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	232.999.029.176	190.747.087.417
Hàng hóa đã bán	2.521.056.794	2.529.982.923
Dịch vụ đã cung cấp	7.067.307.493	4.042.511.785
Dịch vụ cho thuê	18.896.270.554	17.694.071.525
Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	21.975.574.661	-
	283.459.238.678	215.013.653.650

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	16.848.531.014	26.195.758.169
Thu nhập lãi tiền gửi	3.379.902.187	540.374.210
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	3.669.527.293	220.282.490
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (Thuyết minh 7(h, j))	106.131.884.900	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.746.613	286.818.000
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	7.078.399.305	9.495.798.985
	137.137.991.312	36.739.031.854
	137.137.991.312	36.739.031.854

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.035.345.267	14.569.056.931
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	125.875.773	1.563.492.000
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	-	8.650.300.263
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(3.004.055.821)	(14.156.721.436)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	19.988.704	52.570.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.948.119	118.768.500
	2.183.102.042	10.797.466.902
	2.183.102.042	10.797.466.902

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công và nhân viên	18.248.609.611	17.946.436.231
Dụng cụ văn phòng	315.851.679	614.966.562
Chi phí khấu hao	1.058.390.209	1.250.571.788
Thuế và lệ phí	1.939.848.298	450.775.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.881.824.918	6.269.961.316
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.158.685.369	5.875.173.576
	<hr/>	<hr/>
	34.603.210.084	32.407.885.388
	<hr/>	<hr/>

**32. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	416.183.787	-
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng	320.778.300	7.011.185.699
Các thu nhập khác	524.689.440	302.364.727
	<hr/>	<hr/>
	1.261.651.527	7.313.550.426
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	193.939.396	-
Xóa sổ khoản vay cho công ty con	1.349.144.877	-
Nộp bổ sung ngân sách Nhà nước	480.991.947	16.560.842.068
Bồi thường trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	-	200.000.000
Các chi phí khác	581.741.286	10.869.227
	<hr/>	<hr/>
	2.605.817.506	16.771.711.295
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	232.999.029.176	190.747.087.417
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	2.521.056.794	2.529.982.923
Chi phí nhân công và nhân viên	25.067.739.526	19.836.943.394
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.363.371.972	7.876.540.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.769.002.317	15.823.106.996
Các chi phí khác	25.712.500.676	11.390.941.708

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	10.095.554.219	9.393.868.528
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	782.841.783
	10.095.554.219	10.176.710.311
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	679.621.569	-
	10.775.175.788	10.176.710.311

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	61.764.599.311	51.125.295.664
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	13.588.211.848	11.247.565.046
Chi phí không được khấu trừ thuế	893.640.763	3.909.370.279
Thu nhập không chịu thuế	(3.706.676.823)	(5.763.066.797)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	782.841.783
	10.775.175.788	10.176.710.311
	10.775.175.788	10.176.710.311

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2015 và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.620.000.000	2.744.680.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.962.000.000	1.305.400.000
Thành viên Ban Kiểm soát	356.020.000	112.500.000
	3.938.020.000	4.162.580.000
	3.938.020.000	4.162.580.000

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	412.502.500	412.502.500
		Tiền thuê tính cho công ty con	214.750.000	509.170.000
		Hoa hồng nhận từ công ty con	161.692.500	749.847.500
		Mua hàng hóa từ công ty con	1.342.918.182	6.529.945.448
		Thu nhập khác	21.824.452	-
		Góp vốn	762.465.000	-
		Cho công ty con vay	-	2.000.000.000
		Thu nhập tài chính khác	-	144.188.611
		Chi phí tài chính khác	-	140.000.000
		Mua thiết bị từ công ty con	-	630.000.000
		Trả trước cho công ty con cho việc mua xe tải	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	4.518.034.235	5.251.336.675
		Cổ tức	-	6.662.400.000
		Chi phí tài chính khác	100.911.453	2.985.927.771
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Đặt cọc cho thuê nhận được từ công ty con	-	1.000.000.000
		Tiền thuê tính cho công ty con	1.220.000.004	1.220.000.004
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cổ tức	5.195.097.456	3.265.530.000
		Cho công ty con vay	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu tài chính khác	6.939.447.222	8.587.852.778
		Cho công ty con vay	-	4.500.000.000
Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Công ty con	Cổ tức	5.901.163.558	2.043.700.000

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Bán một bất động sản đầu tư cho công ty con	20.000.000.000	2.800.000.000
		Tiền thuê tính cho công ty con	276.637.500	460.000.000
		Tiền đặt cọc thuê nhận từ công ty con	-	2.283.149.969
Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	730.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	25.355.555	-
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố	Công ty con	Phí thuê tính cho công ty con	-	4.035.500
		Thu nhập tài chính khác	-	129.312.785
		Mua cửa hàng từ công ty con	-	2.708.982.924
Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức	-	190.000.000
		Góp vốn	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Góp vốn	3.005.600.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Góp vốn	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Góp vốn	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	2.130.880.878	1.129.090.909
		Cổ tức	-	5.142.712.500
		Chi phí tài chính khác	-	12.750.000
		Cho công ty liên kết vay	-	20.000.000.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê tính cho công ty liên kết	-	1.753.000.000
		Chi phí điện thu từ công ty liên kết	-	729.487.393



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết Mua thiết bị	- -	464.528.000 260.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	30.600.000.000	-

**37. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
Cần trừ khoản thu từ thanh lý đầu tư tạm ứng nhận được từ Vinaland Investments Limited trong những năm trước Tăng đầu tư trong một công ty con (Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn – YAMAHA Cần Thơ) bằng chuyển đổi các khoản đầu tư khác trong công ty con (Công ty TNHH Savico Vĩnh Long) sang YAMAHA Cần Thơ	130.323.934.900 -	- 2.000.000.000

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>1/1/2015 VND (phân loại lại)</b>	<b>1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Chứng khoán kinh doanh	63.588.156.490	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	63.588.156.490
Phải thu ngắn hạn khác	15.299.815.865	13.511.985.681
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.787.830.184
Phải thu dài hạn khác	118.852.497.359	81.345.621.247
Tài sản dài hạn khác	-	1.120.500.000
Tài sản cố định	52.855.113.734	396.877.067.442
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	344.021.953.708	-
Phải thu về cho vay dài hạn	77.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	82.850.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	196.236.376.112
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	1.393.350.004	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	52.053.333.304	53.446.683.308
Quỹ đầu tư và phát triển	24.938.303.806	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.469.151.903

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
	<b>(phân loại lại)</b>	<b>(theo báo cáo trước đây)</b>
Các khoản dự phòng	(10.658.967.151)	(14.156.721.436)
Lỗ thuần từ kinh doanh chứng khoán	-	1.343.209.510
Biến động chứng khoán kinh doanh	(5.131.774.775)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	-	7.598.355.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(46.627.938.449)	(57.203.523.449)

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Ngô Văn Danh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
 Tổng Giám đốc